TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

Bản án số 15/2020/HNGĐ - ST
Ngày 16/7/2020
(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Đinh Duy Q.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị H –Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

NgU đơn*:* Chị Chu Thị Thu U, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Phố Mỹ Sơn, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Đặng Hữu V, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm Thanh Long, thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị U và anh V đều vắng mặt – đều có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Chu Thị Thu U trình bày: Tôi và anh Đặng Hữu V có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/10/2016 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới tôi và anh V chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. NgU nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và anh V không có công ăn việc làm ổn định lại hay đi chơi bời qua đêm, không quan tâm tới vợ con lại còn đánh tôi. Do mâu thuẫn nặng nên từ ngày 23/9/2019 cho đến nay tôi đã cho con về nhà bố mẹ đẻ ở phố Mỹ Sơn, thị trấn M, huyện G, tỉnh N để sinh sống và hai vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đặng Hữu V.

Về con chung: Chị U trình bày vợ chồng có một con chung. Cháu tên là Đặng Hoàng A, sinh ngày 15/12/2016. Hiện nay cháu Hoàng A đang ở với chị U. Nay ly hôn chị U muốn được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Hoàng A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đặng Hữu V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị U xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2020, quá trình giải quyết vụ án anh V thừa nhận việc kết hôn đúng như chị U đã trình bày nêu trên. Anh V có ý kiến sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà anh V tại xóm Thanh Long, thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 3 năm, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, ngU nhân dẫn đến mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, chị U lại không tin tưởng chồng, nghi ngờ anh V chơi bời nghiện ngập và có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Anh V khẳng định từ giữa tháng 9 năm 2019 đến nay chị U đã về nhà bố mẹ đẻ ở phố Mỹ Sơn, thị trấn M sinh sống và hai vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa. Anh V và gia đình đã lên nhà bố mẹ chị U tìm chị U về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị U không về. Anh V xác định không còn tình cảm với chị U nên đồng ý ly hôn với chị U.

Về con chung, anh V cũng xác định vợ chồng có một con chung. Cháu tên là Đặng Hoàng A, sinh ngày 15/12/2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Đặng Hoàng A ở với chị U. Khi ly hôn anh V cũng yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Hoàng A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh V không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh V cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đặng Hữu V có địa chỉ: Xóm Thanh Long, thôn Vân Thị, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Chu Thị Thu U và anh Đặng Hữu V là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 3 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của hai bên là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và thiếu tin tưởng lẫn nhau. Thực tế từ tháng

9/2019 đến nay vợ chồng chị U, anh V đã sống ly thân. Bản thân anh V cũng đồng ý ly hôn. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Chu Thị Thu U và anh Đặng Hữu V đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị Thu U, xử cho chị U được ly hôn anh Đặng Hữu V là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của hai bên là thống nhất nên Tòa án xác định vợ chồng chị U và anh V có một con chung. Cháu tên là Đặng Hoàng A, sinh ngày 15/12/2016. Hiện nay cháu Đặng Hoàng A đang ở với chị U. Xét thực tế chị U, anh V đều khỏe mạnh, không bị cơ quan Nhà nước xử lý về hành vi vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ. Chị U có việc làm ổn định với mức lương trung bình 3 tháng gần đây là 4.831.506 đồng. Nên cả chị U và anh V đều có đủ điều kiện, khả năng nuôi con chung. Tuy nhiên do cháu Đặng Hoàng A còn quá nhỏ, mới hơn ba tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn và cháu đang ở ổn định với chị U từ tháng 9/2019 cho đến nay rất tốt. Do đó cần giao cháu Đặng Hoàng A cho chị U tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là thoả đáng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị U không yêu cầu nên không buộc anh V phải đóng góp tiền nuôi con chung là thoả đáng.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị U và anh V đều xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị Thu U phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Chu Thị Thu U được ly hôn anh Đặng Hữu V.

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Thị Thu U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Hoàng A, sinh ngày 15/12/2016 kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Đặng Hoàng A đủ 18 tuổi, anh V không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí:

Chị Chu Thị Thu U phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000040 ngày 26/02/2020.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm ngU đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

NGUYỄN HỮU Q